

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH QUẢNG NAM QUÝ III VÀ 9 THÁNG NĂM 2019

Năm 2019 có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thành mục tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của Tỉnh. Ngay từ đầu năm, dưới sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, sự điều hành tập trung, quyết liệt của UBND tỉnh, sự nỗ lực của các cấp, các ngành... Song kết quả hoạt động trong 9 tháng qua ở một số ngành, lĩnh vực kinh tế có mức phát triển thấp so với cùng kỳ năm trước: Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 9 tháng so với cùng kỳ năm trước tăng thấp (gần 2%); Thu ngân sách trên địa bàn ước đạt trên 18,3 nghìn tỷ đồng, giảm 22%; Sản lượng lương thực có hạt đạt gần 472 nghìn tấn, tăng 0,04%; Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn thực hiện 9 tháng đạt khá gần 24 nghìn tỷ đồng, tăng 7,3%; Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt trên 40,5 nghìn tỷ đồng, tăng gần 13%; Chỉ số giá (CPI) bình quân 9 tháng so với cùng kỳ tăng 2,45%; an sinh xã hội được đảm bảo, an ninh - quốc phòng được tăng cường, cụ thể tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm 2019 như sau:

1. Tài chính, tín dụng ngân hàng

1.1. Tài chính

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn dự kiến đến cuối tháng 9 năm 2019 ước đạt 18.343 tỷ đồng, bằng 79,3% dự toán năm, giảm gần 22% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Thu nội địa 13.844 tỷ đồng, bằng 74,7% dự toán giao, giảm 27,6% so cùng kỳ năm trước; thu xuất nhập khẩu đạt 4.499 tỷ đồng, bằng 97,8% dự toán, tăng gần 3% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong tổng thu nội địa 9 tháng năm 2019, có những khoản thu đạt khá cao so với dự toán, như: Thu thuế thu nhập cá nhân (đạt 125%); thu tiền sử dụng đất (121%); lệ phí trước bạ (101,5%);... Trong khi đó, các nguồn thu chủ yếu phát sinh từ kinh tế đạt thấp so với dự toán và giảm so với cùng kỳ năm trước: thu từ khối các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 1.422 tỷ đồng, đạt 80,4% dự toán, giảm gần 29% so với cùng kỳ; thu từ kinh tế quốc doanh chỉ đạt 484 tỷ đồng, bằng 46% dự toán, giảm 42% so với cùng kỳ năm trước. Đáng chú ý nhất là nguồn thu được coi là đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến tổng thu, đó là lĩnh vực kinh tế công thương nghiệp ngoài quốc doanh (chiếm trên 53% Tổng thu; gần 67% dự toán thu nội địa), qua 9 tháng năm 2019 chỉ đóng góp 8.796 tỷ đồng, đạt 71% dự toán, giảm 29,4% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu làm cho nguồn thu phát sinh từ kinh tế giảm là do:

- Nguồn thu từ doanh nghiệp Nhà nước đạt thấp do thời tiết khô hạn, các nhà máy thủy điện không đủ nước phát điện theo công suất thiết kế, dự báo nguồn thu này khó có khả năng đạt dự toán.

- Nguồn thu chủ yếu từ khu vực kinh tế công thương nghiệp ngoài quốc doanh là số thu từ hoạt động ô tô Trường Hải (chiếm trên 77% dự toán thu khu vực này; chiếm gần 52% dự toán thu nội địa năm 2019). Tuy nhiên, ô tô du lịch Trường Hải đang đối diện trước sự cạnh tranh khốc liệt từ xe nhập khẩu (xe ô tô du lịch dưới 9 chỗ ngồi nhập khẩu về Việt Nam tăng gấp 7 lần so với cùng kỳ năm 2018); trong nước xe ô tô du lịch sản xuất, lắp ráp của Vinfast, Hyundai cũng được tung ra thị trường khá hấp dẫn làm cho việc tiêu thụ xe ô tô của Trường Hải lúc này càng trở nên khó khăn. Số thu 9 tháng từ hoạt động ô tô Trường Hải đóng góp khoảng trên 6.500 tỷ đồng, đạt 68,7 % dự toán.

- Một số nguồn vẫn còn thất thu, nhất là lĩnh vực khai thác tài nguyên, khoáng sản, đất đai, dịch vụ...

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm ước đạt 12.141 tỷ đồng, bằng 45% dự toán năm, tăng 4,5% so với cùng kỳ. Trong đó: chi đầu tư phát triển đạt 4.860 tỷ đồng, gần bằng 43% so với dự toán năm, tăng 7,6% so với cùng kỳ; chi thường xuyên 7.279 tỷ đồng, bằng 61% dự toán, tăng 2,6% so với cùng kỳ.

1.2. Tín dụng ngân hàng

Hoạt động tín dụng, ngân hàng trên địa bàn trong 9 tháng đầu năm 2019 đạt được nhiều kết quả tích cực, lãi suất huy động và cho vay ổn định, huy động vốn tăng trưởng khá, tạo sự chủ động cho các ngân hàng thương mại (NHTM) trong việc đầu tư tín dụng.

Hoạt động Ngân hàng thời điểm cuối tháng 9/2019

Tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn

55.902 tỷ đồng

↑ 16,8%

So với cùng kỳ năm 2018



Tổng dư nợ cho vay

71.781 tỷ đồng

↑ 27,4%

So với cùng kỳ năm 2018

*** Hoạt động huy động vốn:** các tổ chức tín dụng trên địa bàn tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp huy động vốn, đa dạng hóa các hình thức huy động, một số NHTM đã điều chỉnh tăng lãi suất tiết kiệm ở các kỳ hạn để thu hút nguồn vốn huy động từ dân cư, tạo sự chủ động trong đầu tư tín dụng trong dịp cuối năm. Ước đến 30/9/2019, tổng huy động vốn trên địa bàn đạt 55.902 tỷ đồng, tăng 13,5% so với đầu năm và tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tiền gửi tiết kiệm từ dân cư đạt 43.230 tỷ đồng, tăng trên 15% so với đầu năm và tăng gần 17,5% so cùng kỳ; tiền gửi từ tổ chức kinh tế đạt 10.810 tỷ đồng tăng trên 7% và tăng trên 23%; tiền gửi từ kỳ phiếu, trái phiếu chỉ đạt 1.862 tỷ đồng.

*** Hoạt động tín dụng:** tính đến cuối tháng Chín, tổng dư nợ đạt 71.781 tỷ đồng, tăng gần 21% so với đầu năm (cao hơn mức tăng 9,82% của năm 2018) và tăng 27,4% so với cùng kỳ. Trong đó, tín dụng ngắn hạn đạt 35.695 tỷ đồng, chiếm 49,7%, tăng 27,4% so với đầu năm và tăng gần 33% so cùng kỳ; tín dụng trung và dài hạn đạt 36.086 tỷ đồng, chiếm 50,3%, tăng gần 15% so đầu năm và tăng 22,5% so cùng kỳ.

2. Giá cả, lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong tháng 09 năm 2019 tăng 0,63% so với tháng trước (trong đó khu vực thành thị tăng 0,68%; khu vực nông thôn tăng 0,61%); so với cùng kỳ năm trước CPI tăng 2,66% và tăng 3% so với tháng 12 năm trước; CPI bình quân 9 tháng đầu năm 2019 so với bình quân cùng kỳ tăng 2,45%.

Một số nguyên nhân chính làm tăng chỉ số giá tiêu dùng trong tháng Chín này là do: (1) Học phí đại học, cao đẳng, nhà trẻ tư thục tăng đầu năm học 2019-2020; sách giáo khoa và sách tham khảo các loại tăng giá trở lại do kết thúc chương trình giảm giá của nhà xuất bản; (2) Thời tiết không thuận lợi cho đánh bắt và chế biến thủy sản, bên cạnh đó nhu cầu tiêu dùng thực phẩm tăng trong dịp lễ Quốc khánh cũng khiến cho giá nhiều mặt hàng tăng cao; (3) Giá nhiều loại hàng hóa, dịch vụ tăng theo nhu cầu trong mùa cưới như: chụp và in ảnh, hoa cưới, cho thuê xe đám cưới...

- So với mức bình quân của quý III năm trước, chỉ số giá tiêu dùng quý III năm 2019 tăng 2,32%. Một số nhóm hàng hóa tăng cao như: Thuốc và dịch vụ y tế (+8,96%); văn hóa, giải trí và du lịch (+7,36%); hàng hóa và dịch vụ khác (+6,47%)...

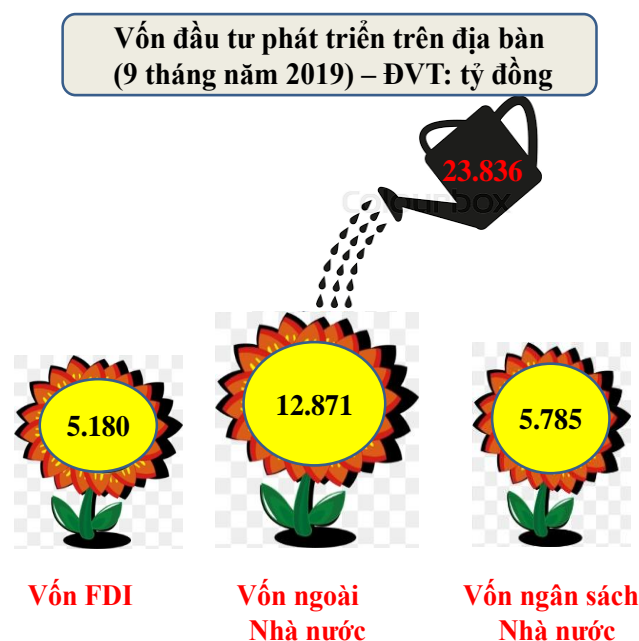
- So với tháng trước, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính có 8 nhóm tăng giá: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,26%); đồ uống và thuốc lá (+0,26%); nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,07%); thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,32%); thuốc và dịch vụ y tế (+0,07%); giáo dục (+3,52%); văn hóa, giải trí và du lịch (+0,05%); hàng hoá và dịch vụ khác (+0,84%). Có 2 nhóm giảm giá: May mặc, mũ nón, giày dép (-0,14%); giao thông (-1,25%). Riêng nhóm bưu chính viễn thông trong tháng ổn định.

Chỉ số giá vàng tháng 09/2019 tăng 3,49% so với tháng trước do ảnh hưởng chung của giá vàng thế giới tăng; so với tháng 12 năm trước chỉ số này tăng 19,53% và bình quân cùng kỳ tăng 5,11%. Đồng đô la Mỹ trong tháng 09/2019 giảm 0,05% so với tháng trước; so với tháng 12 năm trước giảm 0,40%; bình quân cùng kỳ tăng 1,58%. Tính bình quân giá 1 đô la Mỹ trong tháng quy đổi được 23.264 đồng Việt Nam.

3. Đầu tư và xây dựng

Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn thực hiện trong quý III/2019 theo giá hiện hành ước tính đạt 7.268 tỷ đồng, tăng 26,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Nhà nước quản lý ước thực hiện 2.104 tỷ đồng, tăng trên 4% so với quý trước và tăng 6,3% so cùng kỳ; nguồn vốn huy động từ khu vực ngoài Nhà nước (bao gồm vốn của các tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước và hộ dân cư) ước thực hiện 3.526 tỷ đồng, giảm 39,2% so với quý trước và tăng gần 61% so cùng kỳ; nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước thực hiện 1.638 tỷ đồng giảm 23,3% và tăng 4,6%.

Tính chung 9 tháng năm 2019, vốn đầu tư phát triển trên địa bàn thực hiện theo giá hiện hành ước tính đạt gần 24 nghìn tỷ đồng, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước. Bao gồm: Vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Nhà nước quản lý ước thực hiện 5.785 tỷ đồng, giảm 9,9% so cùng kỳ; nguồn vốn huy động từ khu vực ngoài Nhà nước 12.871 tỷ đồng, tăng gần 13%; nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 5.180 tỷ đồng, tăng 17,7%.



Chia theo khoản mục đầu tư, vốn đầu tư xây dựng cơ bản quý III đạt 5.631 tỷ đồng, giảm 10,2% so quý trước và tăng 25,5 % so cùng kỳ; vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất không qua xây dựng cơ bản ước đạt 1.019 tỷ đồng tăng gần 29% so cùng kỳ; vốn đầu tư sửa chữa lớn, nâng cấp tài

sản cố định ước đạt 400 tỷ đồng giảm 7,9% so quý trước và tăng 70,5% so cùng kỳ; vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động đạt 209 tỷ đồng giảm 21,1% và tăng 1,5%; vốn đầu tư khác ước gần 9 tỷ đồng giảm 49,9% so cùng kỳ. Cộng dồn 9 tháng, vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước đạt 16.195 tỷ đồng, chiếm gần 68%; vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất không qua xây dựng cơ bản ước đạt 5.615 tỷ đồng, chiếm 23,56%; vốn đầu tư sửa chữa lớn, nâng cấp tài sản cố định ước đạt 1.235 tỷ đồng, chiếm 5,2%; vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động ước đạt 722 tỷ đồng, chiếm 3%; vốn đầu tư khác ước đạt 69 tỷ đồng, chiếm 0,3%.

*** Một số công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh:**

- Các dự án có tổng mức đầu tư lớn trên địa bàn tỉnh đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện trong kỳ như: Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam; nhà làm việc khối an ninh, xây dựng lực lượng, hậu cần kỹ thuật thuộc Công an tỉnh Quảng Nam; dự án thành phần Cải thiện Nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Nam-VNN; thủy điện Đăk Mi 2; thủy điện Tr' Hy; thủy điện Sông Tranh 4... Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8); đường nối từ Quốc lộ 1A (tại ngã ba cây Cốc) đến nút giao giữa đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi với Quốc lộ 14E; dự án phát triển thành phố loại II - Tiểu dự án thành phố Tam Kỳ; dự án nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ĐT, ĐH, các tuyến nối từ đường ven biển (129) đến đường Quốc lộ 1A và đến đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi; đường trục chính từ khu công nghiệp Tam Thăng đi cảng Kỳ Hà và sân bay Chu Lai (đường 129 GD 2).

- Một số công trình mới khởi công trong năm 2019 và cũng đẩy nhanh tiến độ thi công như: Dự án thí điểm lắp đặt hệ thống đèn Led chiếu sáng công cộng tiết kiệm điện sử dụng năng lượng mặt trời cho đường 129 đoạn từ cầu Cửa Đại đến dốc Diên Hồng (45,5 tỷ đồng); dự án hồ chứa nước Lộc Đại, xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn (291,3 tỷ đồng); dự án nâng cấp, sửa chữa cầu Hà Tân, huyện Duy Xuyên (50 tỷ đồng); cầu Hội Khánh, Tân Đới, huyện Đại Lộc (140 tỷ đồng); cầu Xuân Nam, huyện Đại Lộc (24 tỷ đồng); cầu Khe Gai, huyện Đại Lộc (21,9 tỷ đồng); đường tránh Tây Á Nghĩa huyện Đại Lộc (100 tỷ đồng); Dự án khu nghỉ dưỡng Nam Hội An (4 tỷ USD)...

*** Một số dự án lớn của khối doanh nghiệp đã được khởi công:** dự án Khu công nghiệp Nông - Lâm nghiệp được xây dựng tại huyện Núi Thành (8.118 tỷ đồng); dự án Khu công nghiệp cơ khí và ô tô Chu Lai Trường Hải (1.600 tỷ đồng); dự án mở rộng và đầu tư xây dựng bến cảng Chu Lai (2.600 tỷ đồng); THACO tiếp tục đầu tư dự án xây dựng Khu nhà ở công nhân và tái định cư Tam Hiệp (2.760 tỷ đồng); dự án nhà máy sản xuất vải túi khí do công ty TNHH Hyosung Quảng Nam làm chủ đầu tư (818 tỷ đồng).

*** Tình hình giải ngân nguồn vốn ngân sách nhà nước:** tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư đạt thấp so với kế hoạch được giao. Tính đến cuối tháng 8/2019, tổng số vốn giải ngân đạt gần 31% kế hoạch năm. Bao gồm: (1) Vốn đầu tư trong cân đối NSDP (bao gồm cả vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến

thiết) giải ngân đạt trên 37,6% kế hoạch, trong đó: nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương cấp tỉnh quản lý giải ngân đạt 26,5%; cấp huyện quản lý giải ngân đạt 38,3%; cấp xã quản lý giải ngân đạt 80,7%; (2) Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương giải ngân đạt 26,4%, trong đó: vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu quốc gia giải ngân đạt 32,9% kế hoạch; vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu giải ngân đạt 61,9% kế hoạch; vốn nước ngoài giải ngân chậm, đạt 6,7%; vốn bổ sung ngoài kế hoạch được giao giải ngân 30,5%.

* **Tình hình thu hút đầu tư:** từ đầu năm đến nay đã cấp mới 15 dự án FDI¹ với tổng vốn đăng ký trên 59 triệu USD. Nâng tổng số dự án còn hiệu lực trên địa bàn là 186 dự án với tổng vốn đăng ký 5,9 tỷ USD, trong đó ngoài Khu công nghiệp và Khu kinh tế mở Chu Lai 98 dự án với tổng vốn đăng ký 603,5 triệu USD; Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai 48 dự án với tổng vốn đăng ký gần 4,8 tỷ USD; Ban quản lý các Khu công nghiệp 40 dự án với tổng vốn đăng ký 551,4 triệu USD.

4. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Trong 9 tháng đầu năm 2019, cấp mới 1.095 doanh nghiệp tăng 11,5% so với cùng kỳ năm 2018 (113 DN), vốn đăng ký 13.108 tỷ đồng tăng 61,5% so với cùng kỳ năm 2018 (+4.993 tỷ đồng).

Số doanh nghiệp đăng ký giải thể trong 9 tháng đầu năm 2019 là 351 doanh nghiệp; bị thu hồi Giấy CNĐKDN là 310 doanh nghiệp; thông báo tạm ngừng hoạt động là 325 doanh nghiệp. Cấp Giấy chứng nhận ĐK hoạt động cho 96 chi nhánh và 36 văn phòng đại diện.

5. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông lâm thủy sản (NLTS) 9 tháng đầu năm 2019 diễn ra trong điều kiện thời tiết bất lợi: ảnh hưởng không khí lạnh gây mưa lớn ngập úng đầu vụ Đông Xuân, khô hạn ở vụ Mùa; dịch bệnh trên cây trồng, con vật nuôi diễn biến phức tạp nhất là dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) xuất hiện trên diện rộng đã gây thiệt hại lớn cho người nuôi; giá cả vật tư đầu vào, chi phí xăng dầu tăng cao ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh bắt thủy sản và hạn chế đến việc đầu tư thâm canh cây trồng, con vật nuôi; giá bán sản phẩm nông sản thấp nên một số lĩnh vực trong sản xuất NLTS hiệu quả kinh tế đạt thấp.

5.1. Sản xuất nông nghiệp

* **Trồng trọt:**

- Sản xuất trồng trọt 9 tháng năm 2019 tương đối ổn định, cơ cấu cây trồng được chuyển dịch theo hướng tích cực, chuyển dần diện tích trồng lúa sang các loại cây khác cho giá trị cao hơn. Kết quả vụ Đông Xuân năm nay diện tích lúa toàn tỉnh giảm 346 ha so với vụ Đông Xuân trước, năng suất đạt 57,9

¹ Cùng kỳ năm trước: 22 dự án, tổng vốn đăng ký trên 299 triệu USD.

ta/ha (Đông Xuân 2018 đạt 58,0 ta/ha là năm có năng suất cao nhất) nên sản lượng đạt 244.190 tấn, giảm 2.410 tấn so với vụ Đông Xuân năm 2018.

- Vụ Mùa năm 2019 chịu ảnh hưởng của thời tiết diễn biến phức tạp, đầu vụ nắng nóng kéo dài gây khó khăn cho việc gieo trồng, cuối vụ thời tiết tương đối thuận lợi, đêm mưa, ngày nắng, có đủ nước và ánh sáng nên cây lúa sinh trưởng và phát triển tốt. Cả tỉnh gieo cấy được 42.732 ha, giảm 929 ha (-2,1%) so với vụ Mùa năm trước, nguyên nhân do diện tích bị nắng hạn không sản xuất, chuyển đổi cây trồng và chuyển sang mục đích khác. Một số huyện có diện tích giảm nhiều: Núi Thành (-499 ha); Thăng Bình (-155 ha); Duy Xuyên (-125 ha); Phước Sơn (-73 ha); Tam Kỳ (-69 ha);... Tính đến ngày 15/9/2019, các địa phương đã thu hoạch được 34.500 ha lúa Mùa, đạt 80,7% diện tích gieo cấy và bằng 104,5% cùng kỳ năm trước; năng suất ước tính đạt 48,5 tạ/ha, giảm 1 tạ/ha so với vụ Mùa năm 2018, sản lượng vụ Mùa 2019 ước đạt 207.150 tấn, giảm 8.853 tấn (-4,1%).

Ước tính sản lượng lúa cả năm 2019 chỉ đạt 451.340 tấn, giảm 11.263 tấn (-2,4%), do giảm cả diện tích (giảm 1.275 ha) và năng suất (đạt 53,2 tạ/ha, giảm 0,5 tạ/ha) so với cùng kỳ năm 2018.

- Diện tích trồng cây lâu năm 9 tháng ước tính đạt 24.505 ha, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cây công nghiệp đạt 13.847 ha, giảm 1,8%; cây ăn quả đạt 8.317 ha, tăng 2,3%; cây gia vị, dược liệu đạt 1.185 ha, tăng 21,4% do nhóm cây này hiệu quả sản xuất đạt cao nên người dân mở rộng diện tích; nhóm cây lâu năm khác đạt 985 ha, tăng 8,8%. Sản lượng thu hoạch một số cây ăn quả, cây công nghiệp tăng do thời tiết thuận lợi, diện tích cho sản phẩm tăng: sản lượng xoài 9 tháng đạt 820 tấn, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm 2018; chuối đạt 58.000 tấn, tăng 1,8%; đu đủ đạt 1.200 tấn, tăng 7,1%; dứa đạt 22.200 tấn, tăng 0,9%; bưởi đạt 1.250 tấn, tăng 4,2%; mít đạt 3.800 tấn, tăng 1,9%; cao su đạt 3.400 tấn, tăng 6,3% ...

- Đối với mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp, trong thời gian qua các Hợp tác xã nông nghiệp, nông dân ở các địa phương Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên, Quế Sơn, Thăng Bình, Núi Thành, Phú Ninh đã liên kết với các doanh nghiệp sản xuất 4.350 ha lúa giống và 133 ha giống cây trồng cận chủ lực như ớt, bắp, đậu phụng, mè... theo phương thức bao tiêu đầu ra sản phẩm. Mô hình liên kết sản xuất trên giúp nhà nông tăng thêm 25 - 45% giá trị kinh tế trên cùng đơn vị diện tích.

*** Kết quả chuyển đổi, sử dụng diện tích lúa:**

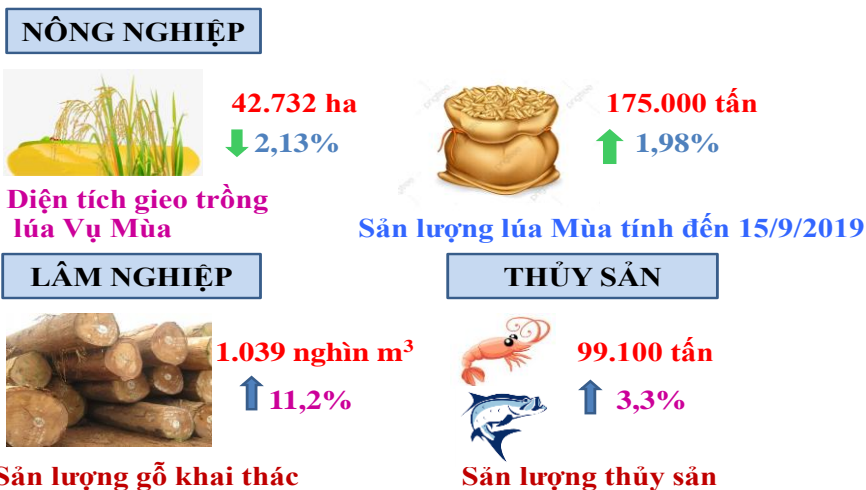
- Các địa phương tiếp tục thực hiện chuyển đổi đất lúa (lúa nước trời, lúa có tưới nhưng bắp bênh) và cây trồng cận sản xuất kém hiệu quả sang sản xuất các cây trồng khác (rau các loại, dưa hấu, cây ăn quả, cây dược liệu,...) với tổng diện tích 915 ha², trong đó vụ Đông Xuân là 585,3 ha, vụ Mùa là 329,7 ha. Đất

² Trong đó: Phú Ninh (287,5 ha), Đại Lộc (92,91 ha), Duy Xuyên (145,6 ha), Quế Sơn (91,2 ha),...

chuyển đổi chủ yếu là những chân ruộng sản xuất 1 vụ lúa, ruộng nước trời với diện tích 519,3 ha, còn lại 395,7 ha chuyển đổi từ ruộng chủ động nước nhưng sản xuất lúa kém hiệu quả.

- Cây trồng được chuyển đổi khá đa dạng; đối với vùng đồng bằng, trung du, cây trồng chuyển đổi chủ yếu là: dưa hấu (268,5 ha), lạc (192 ha), ngô (106,3 ha), rau các loại (54,2 ha). Đối với vùng miền núi, cây trồng chuyển đổi chủ yếu là cây dược liệu (30,6 ha), cây ăn quả: chuối, bưởi (21,2 ha),... Có thể nói, trong thời gian qua hầu hết các diện tích chuyển đổi đều có hiệu quả cao hơn so với sản xuất lúa. Cây trồng trong mô hình chuyển đổi đều cho năng suất cao và lợi nhuận tăng từ 20 - 30% so với sản xuất lúa trong cùng thời vụ, trên cùng chân đất.

**Nông, lâm nghiệp và thủy sản
9 tháng năm 2019**



*** Chăn nuôi:**

Tính đến tháng Chín, đàn trâu toàn tỉnh ước đạt 64 nghìn con, giảm 4,5% (-3 nghìn con) do diện tích chăn thả bị thu hẹp, nhu cầu cày kéo không nhiều, sản lượng xuất chuồng 9 tháng ước đạt 1,51 nghìn tấn, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm trước. Đàn bò ước đạt 170,6 nghìn con, tăng 0,4% (+0,6 nghìn con); sản lượng thịt hơi xuất chuồng 9 tháng đạt gần 7 nghìn tấn, tăng 0,6% nhờ thuận lợi về giá cả, thị trường tiêu thụ những tháng gần đây tăng cao, người chăn nuôi có lãi.

Chăn nuôi lợn tiếp tục gặp khó khăn với DTLCP ngày càng lây lan trên diện rộng. Tính đến ngày 12/9/2019 trên địa bàn tỉnh còn 26.049 hộ, 634 thôn, 167 xã, phường ở 16/18 huyện, thị xã, thành phố có bệnh DTLCP chưa qua 30 ngày (2 huyện Tây Giang, Đông Giang chưa có dịch); tổng số lợn tiêu hủy là trên 110 nghìn con, chiếm trên 30% tổng đàn. Đàn lợn cả tỉnh giảm sâu gần 30%

so cùng kỳ năm trước, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 9 tháng đầu năm đạt trên 20 nghìn tấn, giảm 11,1%.

Tình hình bệnh DTLCP vẫn tiếp tục phát sinh, chưa có chiều hướng chững lại, đến nay chưa có vắc xin và thuốc để phòng, trị bệnh, công tác phòng, chống dịch vẫn còn nhiều hạn chế do việc chấp hành các quy định về phòng chống dịch bệnh ở một số địa phương chưa được nghiêm túc. Trong thời gian đến ngành chăn nuôi tiếp tục phối hợp với các địa phương thực hiện công tác phòng, chống dịch, kiểm tra, thẩm định điều kiện công bố hết dịch tại các địa phương có bệnh DTLCP qua 30 ngày và đã thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh bắt buộc theo quy định của Luật Thú y để các địa phương có cơ sở công bố hết dịch, hạn chế mức thấp nhất thiệt hại do dịch bệnh gây ra.

Chăn nuôi gia cầm phát triển tốt, không có dịch bệnh lớn xảy ra, thị trường tiêu thụ ổn định, người chăn nuôi yên tâm mở rộng quy mô đàn. Đặc biệt trong quý III, khi tình hình dịch bệnh ở lợn diễn biến phức tạp, nhu cầu tiêu thụ thịt và trứng gia cầm tăng mạnh do người dân đã chuyển sang sử dụng thay thế thịt lợn. Tổng đàn gia cầm hiện nay ước đạt 7,29 triệu con, tăng 12,2% (+790 nghìn con), trong đó đàn gà có trên 5,8 triệu con, tăng 11,7% (+610 nghìn con); sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng 9 tháng đầu năm đạt 10,39 nghìn tấn, tăng 6%, sản lượng trứng gia cầm đạt gần 173 triệu quả, tăng 4,8% (+7,95 triệu quả) so cùng kỳ.

5.1. Lâm nghiệp

Sản xuất lâm nghiệp 9 tháng đầu năm 2019 phát triển ổn định, tập trung chủ yếu vào công tác chăm sóc, bảo vệ rừng và khai thác gỗ từ diện tích rừng trồng, khai thác gỗ và lâm sản tăng trưởng khá, giá thu mua gỗ tăng cao do nhu cầu tiêu thụ gỗ tăng. Trong quý III, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 5.630 ha, tăng 4,6% (+250 ha) so với cùng kỳ năm trước; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 328 nghìn m³, tăng 9,3% (+28.000 m³); sản lượng củi khai thác 79 nghìn ste, giảm 1,7% (-1.400 ste).

Tính chung 9 tháng đầu năm, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 8.740 ha, tăng 3,1% (+260 ha) so với cùng kỳ năm trước; sản lượng gỗ khai thác ước tính đạt 1.039 nghìn m³, tăng 11,2% (+104,5 nghìn m³); củi 359 nghìn ste xấp xỉ cùng kỳ. Diện tích rừng bị thiệt hại là 173,8 ha, gấp 2,5 lần so cùng kỳ năm 2018, trong đó: diện tích rừng bị chặt, phá là 8,5 ha, giảm 46,9%; diện tích rừng bị cháy là 165,2 ha, tăng hơn 3,2 lần do thời tiết nắng nóng kéo dài và việc người dân chủ quan sử dụng lửa để xử lý thực bì là nguyên nhân chính gây nên 24 vụ cháy rừng trồng, ước thiệt hại ban đầu trên 12 tỷ đồng.

Trong thời gian đến ngành lâm nghiệp cần tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác trồng rừng, chăm sóc rừng, quản lý bảo vệ rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng... một cách hợp lý, hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng rừng và nhận thức của người dân về công tác bảo vệ rừng và phát triển rừng nhằm giải quyết công

ăn việc làm và tăng thu nhập người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo người dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc trên địa bàn tỉnh.

5.2. Thủy sản

Toàn tỉnh hiện có 3.173 tàu cơ giới đang đánh bắt hải sản ở biển, giảm 160 tàu (-4,8%) so với cùng kỳ năm 2018; tổng công suất 418.423 CV, bình quân 1 tàu 131,9 CV (năm 2017 là 95 CV, năm 2018 là 110,8 CV). Tàu có công suất dưới 20 CV hoạt động kém hiệu quả đã được thanh lý để tập trung phát triển những tàu công suất lớn hoạt động ở ngư trường xa bờ hiệu quả hơn, do đó tàu có công suất nhỏ dưới 20 CV giảm đáng kể chỉ còn 1.675 tàu (chiếm tỷ trọng còn 54,3%); tàu từ 20 CV đến dưới 50 CV: 648 tàu (chiếm 20,4%); tàu từ 50 CV đến dưới 90 CV: 111 tàu (chiếm 3,5%); tàu trên 90 CV: 739 (chiếm 23,3%), trong đó tàu trên 400 CV là 434 tàu (chiếm 13,7%). Ngư trường khai thác thủy sản hiện nay chủ yếu ở vùng ven bờ 1.837 tàu (chiếm 57,8%); vùng lộng 550 tàu (chiếm 17,3%); vùng khơi 786 tàu (chiếm 24,7%).

Công tác triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ ngư dân (theo Quyết định 48/2010/QĐ-TTg) trên địa bàn tỉnh được triển khai kịp thời, đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch, đúng quy trình, nhận được sự đồng thuận của nhân dân, tạo ra tâm lý phấn khởi trong cộng đồng ngư dân, đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, bảo vệ an ninh quốc phòng, góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Tổng sản lượng thủy sản 9 tháng đầu năm 2019 ước đạt 99.100 tấn, tăng 3,3% (+3.140 tấn) so với cùng kỳ năm 2018, trong đó: sản lượng khai thác thủy sản đạt 78.330 tấn, tăng 3,5% (+2.630 tấn); sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 20.770 tấn, tăng 2,5% (+510 tấn).

- Khai thác thủy sản: thời tiết từ đầu năm đến nay thuận lợi cho tàu thuyền ra khơi đánh bắt thủy sản. Các nghề khai thác chủ yếu là Lưới rê, Câu vàng, Lưới kéo (Giã cào), Lưới quét, Chụp mực lộng và khơi, Vây ngày, Vây cá com, Vây ánh sáng, Câu mực xà,...; các đối tượng khai thác như cá đù, cá ngừ, cá nục, cá phù, mực nang, cá thu,... Sản lượng khai thác thủy sản biển 9 tháng đầu năm 2019 đạt 75.480 tấn, chiếm 96,4% tổng sản lượng khai thác, tăng 3,5% (+2.559 tấn) so với cùng kỳ năm 2018. Hiệu quả của khai thác xa bờ trong những năm gần đây đã nâng cao giá trị tạo ra của đơn vị tàu thuyền; nhiều loài thủy sản có giá trị kinh tế cao (như: cá ngừ, mực, cá thu, cá chim) xuất hiện nhiều, ngư dân tập trung khai thác nên các chuyên đánh bắt đa phần có lãi.

- Nuôi trồng thủy sản: tổng diện tích nuôi trồng thủy sản 9 tháng đầu năm 2019 đạt trên 8.500 ha, giảm 0,4% (-33 ha) so với cùng kỳ năm 2018, trong đó nuôi cá đạt trên 5.100 ha, tăng 0,5% (+26 ha); nuôi tôm đạt gần 2.700 ha, giảm 2,6% (-71 ha), cụ thể:

+ Tôm nuôi vụ I đã kết thúc, thu hoạch trên 1.448 ha, đạt 72,4% KH năm, giảm 3,7% (-55 ha) so với cùng kỳ năm 2018, trong đó: nuôi tôm thẻ lột bạt ven

biển 250 ha; nuôi tôm trong ao đất vùng triều 1.198 ha. Năng suất tôm nuôi vụ I năm 2019 đạt 60,3 tạ/ha (+3,3 tạ/ha); sản lượng đạt 8.740 tấn, tăng 2,0% (+171 tấn) so với cùng vụ năm trước.

+ Tôm nuôi vụ II đến nay đã thả nuôi trên 1.190 ha, đạt 59,5% KH năm, bằng 94,7% (-66 ha) so với cùng kỳ năm 2018, do: một số ao nuôi ở vụ I bị dịch bệnh, sản xuất không hiệu quả nên người dân không thả nuôi lại vụ II. Hiện tôm nuôi bị bệnh rải rác ở các vùng nuôi trong tỉnh trên 10 ha. Các ngành chức năng đang hướng dẫn các biện pháp phòng trị bệnh tôm, hạn chế lây lan ra diện rộng; nuôi cá lồng trên sông nước mặn, lợ (nhóm đối tượng cá mặn, lợ: cá hồng, diạ, chêm, mú, bớp) 1.950 lồng; nuôi cá lồng nước ngọt (cá điêu hồng, lăng nha, trắm cỏ ...) có 530 lồng tập trung chủ yếu ở hồ đập thủy lợi và sông nước ngọt (Khe Tân, Sông Tranh II, Sông Kon và trên sông Tam Kỳ).

Toàn tỉnh có 52 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống (02 cơ sở sản xuất giống cá nước ngọt; 50 cơ sở sản xuất tôm sú và ương nuôi giống tôm thẻ). Số lượng cá giống nước ngọt sản xuất trong tỉnh cung cấp cho thị trường 3,9 triệu con, số lượng tôm sú giống sản xuất trên 110,2 triệu con.

5.3. Nông thôn mới (NTM)

Kết quả thực hiện các tiêu chí NTM đến ngày 30/6/2019 theo báo cáo của Văn phòng điều phối Nông thôn mới tỉnh Quảng Nam: bình quân chung số tiêu chí đạt chuẩn NTM của 204 xã là 14,27 tiêu chí/xã (tăng 0,11 tiêu chí/xã so với năm 2018, tăng 2,77 tiêu chí/xã so với năm 2015 và tăng tăng 11,66 tiêu chí/xã so với năm 2010), cụ thể:

- Nhóm 1 (đạt 19 tiêu chí): đã có 85 xã được công nhận đạt chuẩn NTM (đạt 41,7%); tuy nhiên, trong đó: có 46 xã bị "rớt" tiêu chí (gồm: 42 xã bị rớt tiêu chí trong 62 xã được công nhận đạt chuẩn NTM đến cuối năm 2016 và 04 xã bị rớt tiêu chí trong 10 xã được công nhận đạt chuẩn NTM năm 2017);

- Nhóm 2 (đạt từ 15 - 18 tiêu chí): 22 xã (chiếm 10,78%);

- Nhóm 3 (đạt từ 10 - 14 tiêu chí): 52 xã (chiếm 25,49%);

- Nhóm 4 (đạt từ 05 - 09 tiêu chí): 45 xã (chiếm 22,06%); trong đó, xã đạt chuẩn dưới 8 tiêu chí còn 26 xã.

Phần đầu có 16 xã đạt chuẩn NTM; số tiêu chí NTM đạt chuẩn bình quân chung của toàn tỉnh là 15 tiêu chí/xã; có từ 18-20 xã đạt 15-18 tiêu chí; giảm 12-15 xã dưới 8 tiêu chí; tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí của các xã đã đạt chuẩn NTM; phần đầu có từ 25-30 thôn được công nhận đạt chuẩn "Khu dân cư NTM kiểu mẫu".

6. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp 9 tháng đầu năm 2019 duy trì tốc độ tăng trưởng chậm, nguyên nhân chủ yếu do: (1) Sản xuất xe ô tô của Trường Hải lúc này

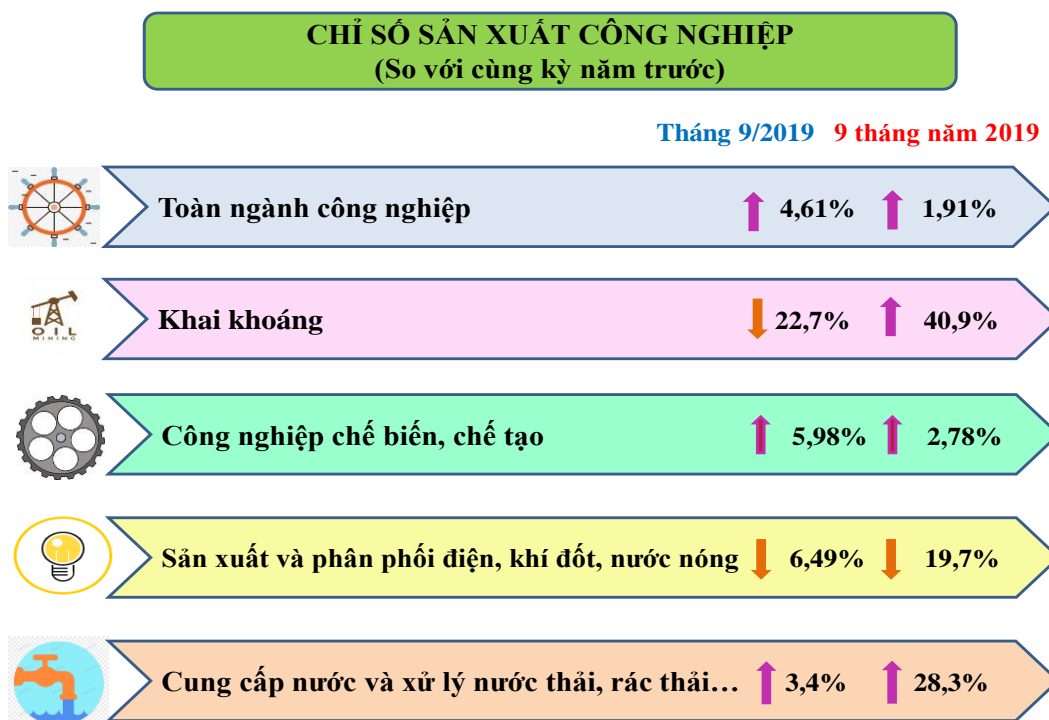
đang gặp khó khăn trước sự cạnh tranh khốc liệt từ xe nhập khẩu; (2) Các doanh nghiệp ngành dệt may, giày da đều thiếu đơn hàng; (3) Một số doanh nghiệp khai khoáng tiếp tục ngừng hoạt động do hết hạn giấy phép khai thác; (4) Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải thời gian gần đây gặp trở ngại trong việc quy tập và xử lý rác thải nên việc thu gom rác bị hạn chế; (5) Ngành điện tiếp tục giảm do các nhà máy chủ yếu vận hành theo lệnh điều động của Trung tâm điều độ Quốc gia.

6.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tháng 9/2019 ước tính tăng 0,2% so tháng trước và tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2018. Cụ thể tăng/giảm từng ngành tương ứng: ngành khai khoáng (-0,1%; -22,7%); ngành chế biến, chế tạo (-0,8%; +6%); ngành sản xuất và phân phối điện (+14,3%; -6,5%); cung cấp nước và xử lý rác thải (+7,5%; +3,4%).

Trong quý III, IIP giảm mạnh so với quý trước (-10,3%). So với cùng kỳ, quý III giảm 3,5%, đây là quý có chỉ số sản xuất thấp nhất từ đầu năm đến nay (quý I: +5,3%; quý II: +3,9%); trong đó ngành khai khoáng giảm 7,1% (quý I: +41,1%; quý II: +92,2%); ngành chế biến, chế tạo giảm 2,9% (quý I: +7,6%; quý II: +3,8%); ngành sản xuất và phân phối điện giảm 13,3% (quý I: -29,5%; quý II: -14,4%); cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 4,1% (quý I: +46,1%; quý II: +38,6%).

Tính chung 9 tháng năm 2019, IIP tăng 1,9% so cùng kỳ năm trước; trong đó tăng chủ yếu ở ba nhóm ngành: công nghiệp khai khoáng tăng 40,9%, ngành cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 28,3% và công nghiệp chế biến – chế tạo tăng 2,8%, trong khi đó ngành sản xuất và phân phối điện giảm 19,7%.



Một số ngành công nghiệp trong 9 tháng có chỉ số tăng cao như: khai thác than cứng và than non (+17,2%); sản xuất đồ uống (+19%); dệt (+29,7%), sản xuất trang phục (+17,9%); sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (+24,2%); hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải, tái chế phế liệu (+38,7%). Bên cạnh đó một số ngành sản xuất giảm hoặc tăng không đáng kể như: sản xuất xe có động cơ (+0,5%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (-6,4%); sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (-27,2%); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (-2,7%); công nghiệp chế biến, chế tạo khác (-4,7%); sản xuất và phân phối điện (-19,7%).

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 9 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước: than đá loại khác (+17,2%; đạt 121,7 nghìn tấn); Phi lê cá và các loại thịt cá khác tươi, ướp lạnh (+11%, đạt 256,8 tấn); bia đóng chai (+15,1%, đạt 73,7 triệu lít); bao và túi dùng để đóng, gói hàng từ dây (+29,8%, đạt 44,1 triệu sản phẩm); quần áo đồng bộ (+18,4%, đạt 55,8 triệu sản phẩm); các dòng xe tải tối đa 5 tấn (+47,1%, đạt 8.066 chiếc)... Các sản phẩm giảm so cùng kỳ như: đá xây dựng, cát trắng, vải dệt thoi, ván ép từ gỗ, cao su hỗn hợp, xe ô tô du lịch, điện sản xuất...

6.2. Chỉ số tiêu thụ và tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 9 năm 2019 ước tính giảm 10,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó một số nhóm ngành có chỉ số tiêu thụ giảm như: sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản (-33,7%); sản xuất vải dệt thoi (-15,2%); sản xuất sản phẩm khác từ cao su (-27,3%); sản xuất xi măng, vôi, thạch cao (-31,3%); sản xuất xe có động cơ (-16%). Các nhóm ngành có chỉ số tiêu thụ tăng so với cùng kỳ như: sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (+16,6%); sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục +29,8%); may trang phục (+17,5%); chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (+36,6%); sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (+21,8%); sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (+20,8%).

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 9/2019 giảm 7,7% so với tháng trước. Trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho giảm so với tháng trước như: cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (-23,5%); sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (-3,5%); sản xuất sản phẩm từ plastic (-1,92%); sản xuất xe có động cơ (-18,78%). Các ngành có chỉ số tồn kho tăng cao như: sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản; sản xuất giày dép; sản xuất bột giấy, giấy và bìa.

6.3. Chỉ số sử dụng lao động

Chỉ số sử dụng lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp cộng dồn đến cuối tháng 9/2019 ước tính tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 3,8%, và khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 2,5%, trong khi đó khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 1,6%. Cũng tại thời điểm trên, chỉ số

sử dụng lao động trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 33,6%, ngành chế biến, chế tạo tăng 3,9%; lao động trong ngành sản xuất và phân phối điện giảm 0,9%; ngành cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 2,5%.

6.4. Xu hướng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả khảo sát dự báo sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý III/2019 cho thấy xu hướng kinh doanh có chiều hướng phát triển khả quan hơn so với quý II/2019. Cụ thể:

- Quý III/2019 có trên 47% số doanh nghiệp được khảo sát dự báo tốt hơn (quý II: 58%); có 35,3% giữ ổn định (quý II: 24,4%) và chỉ có 17,7% số doanh nghiệp cho là khó khăn (quý II: 17,4%). Trong đó một số ngành dự báo tốt hơn như: sản xuất đồ uống (100%); sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (67%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (83,3%); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (100%); sản xuất xe có động cơ (57%). Một số ngành dự báo không được tốt (khó khăn) so quý trước như: sản xuất chế biến thực phẩm, ngành dệt, in, sao chép bản ghi các loại.

- Dự báo quý IV/2019 có 46% số doanh nghiệp được khảo sát dự báo tốt hơn quý III/2019; 34% giữ nguyên và 20% số doanh nghiệp cho là khó khăn. Những yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chế biến – chế tạo là: tính cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu cao chiếm 63,5% số doanh nghiệp, nhu cầu thị trường trong nước thấp chiếm 53%; thiết bị công nghệ lạc hậu chiếm 48,2%, tính cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu cao chiếm 37,7%, thiếu nguyên vật liệu chiếm trên 29,4%, lãi suất vay còn cao chiếm 20%, khó khăn về tài chính 28,2%, nhu cầu thị trường quốc tế thấp 17,7%...

7. Thương mại, dịch vụ

7.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Nhìn chung thị trường bán lẻ hàng hóa trên địa bàn tỉnh thời gian qua đã hoà nhập theo xu hướng chung của cả nước. Các mặt hàng bán lẻ luôn đa dạng và đảm bảo chất lượng, kênh bán lẻ truyền thống vẫn đang đóng góp tỷ lệ lớn, bên cạnh đó hệ thống bán lẻ từ doanh nghiệp cho đến các cơ sở kinh doanh cá thể đã có sự đầu tư theo hướng hiện đại. Môi trường kinh doanh thị trường bán lẻ ngày càng thuận lợi và cạnh tranh lành mạnh do công tác quản lý thương mại luôn được cơ quan chức năng quan tâm và đầu tư, từ việc cấp phép điều kiện kinh doanh, chứng nhận an toàn thực phẩm, các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng,... Năm 2019, dự kiến trên thị trường bán lẻ có 38,7 nghìn cơ sở đang hoạt động với 54,9 nghìn lao động, bên cạnh đó mạng lưới chợ có 159 chợ đạt tiêu chuẩn, trong đó có 02 chợ hạng 1; 13 chợ hạng 2 và 144 chợ hạng 3.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Chín ước tính đạt 4.666 tỷ đồng, tăng 3% so với tháng trước và tăng 15,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 3.328 tỷ đồng (+3,5%; +18,6%); doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 1.023 tỷ đồng (+2,4%; +8,5%);

doanh thu du lịch lữ hành đạt 57 tỷ đồng (-8%; +9,4%); doanh thu dịch vụ khác đạt 259 tỷ đồng (+2,5%; +4,5%). Trong quý III năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 13.908 tỷ đồng (+3,5%; +11,3%), trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 10.015 tỷ đồng (+4%; +14,3%); doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 2.941 tỷ đồng (+4,7%; +4,3%); doanh thu du lịch lữ hành đạt 172 tỷ đồng (+4,9%; +4,97%); doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác đạt 779 tỷ đồng (-5,1%; +3,7%).

TỔNG MỨC BÁN LẺ HOÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ 9 THÁNG NĂM 2019 ĐẠT 40.542 TỶ ĐỒNG, TĂNG 13% SO VỚI CÙNG KỲ



Chia theo ngành hoạt động



Thương nghiệp 29.069 tỷ đồng
Tăng 15 %



Khách sạn, nhà hàng 8.532 tỷ đồng
Tăng 9%



Du lịch lữ hành 488 tỷ đồng
Tăng 7,6%



Dịch vụ tiêu dùng khác 2.454 tỷ đồng
Tăng 7%

Theo loại hình kinh tế



Nhà nước 370 tỷ đồng
Giảm 8,8%



Ngoài nhà nước
39.382 tỷ đồng
Tăng 13,6%



Khu vực có
vốn đầu tư nước ngoài
791 tỷ đồng
Giảm 3%

Tính chung 9 tháng năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 40.542 tỷ đồng, tăng gần 13% so với cùng kỳ năm trước. Chia theo loại hình kinh tế: kinh tế Nhà nước đạt 370 tỷ đồng, chiếm 0,9% tổng mức và giảm 8,8% so với cùng kỳ; Kinh tế ngoài Nhà nước đạt 39.382 tỷ đồng (chiếm 97%; +13,6%); Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 791 tỷ đồng (chiếm 2%; -3%). Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 9 tháng ước tính đạt 29.069 tỷ đồng, chiếm 71,7% tổng mức và tăng gần 15% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành hàng lương thực, thực phẩm đạt 11.549 tỷ đồng (chiếm 39,7%; +12,6%); may mặc đạt 2.242 tỷ đồng (chiếm 7,7%; +17%); đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình 2.676 tỷ đồng (chiếm 9,2%; +3,2%); vật phẩm văn hoá, giáo dục đạt 1.808 tỷ đồng (chiếm 6,2%; +82,8%); phương tiện đi lại 2.415 tỷ đồng (chiếm 8,3%; +25,7%)... Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước tính đạt 8.532 tỷ đồng (chiếm 21%; +9%); Doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 488 tỷ đồng (chiếm 1,2%; +7,6%); Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác ước tính đạt 2.454 tỷ đồng (chiếm 6,1%; +7%).

7.2. Hoạt động Du lịch

Hoạt động du lịch trong 9 tháng đầu năm 2019 diễn ra sôi động, các lễ hội truyền thống thể hiện giá trị văn hóa bản sắc dân tộc được tổ chức như: Tết Cổ truyền, Tết Nguyên tiêu, Tết Thanh minh, lễ hội Thu Bồn, lễ Cầu ngư, lễ hội Festival du lịch biển Tam Kỳ 2019 với chủ đề “Tam Thanh biển gọi”; lễ hội “Tam Kỳ - Mùa hoa sữa”; lễ hội “Giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản”; lễ Kỷ niệm 20 năm Đô thị cổ Hội An, Khu đền tháp Mỹ Sơn được UNESCO công nhận là di sản Văn hóa thế giới, 10 năm Cù Lao Chàm - Hội An được công nhận khu dự trữ sinh quyển thế giới... Bên cạnh đó, dịch vụ xe điện được khai thác và đưa vào hoạt động phục vụ du khách đã góp phần làm cho dịch vụ du lịch thêm phong phú.

Dự tính 9 tháng đầu năm 2019, tổng lượt khách lưu trú trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đạt hơn 2.854 nghìn lượt khách, tăng 7%, trong đó khách quốc tế đạt gần 1.328 nghìn lượt (+16,5%); khách du lịch trong nước đạt hơn 1.526 nghìn lượt (-0,1%), song lượt khách ngủ qua đêm tăng 12,31%, đạt gần 627 nghìn lượt; tổng lượt khách tham quan do các đơn vị lữ hành phục vụ đạt gần 2.575 nghìn lượt (+14,5%), trong đó khách quốc tế đạt gần 1.492 nghìn lượt (+6,9%); khách du lịch trong nước đạt gần 1.083 nghìn lượt (+27%) so với 9 tháng đầu năm 2018.

Doanh thu đạt được từ dịch vụ du lịch tăng khá, doanh thu dịch vụ lưu trú tăng 10,2%, ước đạt hơn 2.274 tỷ đồng; doanh thu từ dịch vụ ăn uống tăng 8,4%, ước đạt gần 6.258 tỷ đồng; doanh thu từ du lịch lữ hành tăng 7,6%, ước đạt hơn 488 tỷ đồng.

Mạng lưới và chất lượng cơ sở lưu trú ngày càng được nâng cao. Tính đến nay, toàn tỉnh có hơn 1.000 cơ sở với khoảng hơn 15.000 phòng đón khách, tăng 8,7% so với cùng kỳ, trong đó 188 khách sạn với 10.703 phòng; 269 homestay với 1.091 phòng; 179 biệt thự du lịch với 1.745 phòng và gần 400 cơ sở lưu trú khác. Mạng lưới cơ sở lữ hành tăng khá, 9 tháng đầu năm 2019 có 08 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được Tổng cục Du lịch cấp, đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (07 doanh nghiệp cấp mới, 01 doanh nghiệp cấp đổi), nâng tổng số cơ sở lữ hành lên 87 đơn vị, trong đó 58 công ty kinh doanh lữ hành quốc tế, 14 công ty kinh doanh lữ hành nội địa, 10 chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp trong nước, 04 đại lý lữ hành, 01 văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài.

7.3. Hoạt động dịch vụ

Vào đầu tháng 9, học sinh, sinh viên vào ngày tựu trường, các dịch vụ liên quan đến dịch vụ giáo dục, thuê nhà ở tăng mạnh, kéo theo kết quả kinh doanh hoạt động dịch vụ trong tháng tăng. Theo kết quả điều tra, doanh thu dịch vụ tháng 9/2019 ước đạt 259 tỷ đồng, tăng 2,5% so tháng trước và tăng 4,5% so cùng kỳ, trong đó tăng mạnh các nhóm dịch vụ kinh doanh bất động sản (+7,7%) và tăng chủ yếu từ dịch vụ thuê nhà trọ học sinh, sinh viên; dịch vụ

giáo dục và đào tạo tăng gần 2%; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 2,5%.

Dự tính 9 tháng đầu năm 2019, doanh thu dịch vụ ước đạt 2.454 tỷ đồng, tăng 7,1% so với 9 tháng đầu năm 2018 và tăng cao từ các nhóm dịch vụ liên quan tới chăm sóc sức khỏe và đời sống tinh thần của người tiêu dùng như: dịch vụ y tế tăng 11,1%; dịch vụ hành chính và hỗ trợ tăng 10,6%; dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí tăng 6,9%;...

7.4. Hoạt động vận tải, kho bãi

Hoạt động vận tải trong 9 tháng năm 2019 duy trì mức tăng khá so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt ngành đường bộ do cơ sở hạ tầng được đầu tư lớn, kết nối thuận tiện giữa các địa phương. Tổng doanh thu ngành vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng Chín ước tính đạt 363 tỷ đồng, tăng gần 14% so với tháng cùng kỳ năm 2018. Trong quý III năm 2019, tổng doanh thu ngành vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 1.102 tỷ đồng, tăng gần 16% so với quý III năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2019, doanh thu này đạt 3.189 tỷ đồng, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó doanh thu vận tải hành khách ước đạt 608 tỷ đồng, tăng 15,2%; doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 2.090 tỷ đồng, tăng 13,4%; doanh thu hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ ước đạt 491 tỷ đồng, tăng 11,2%.

* **Vận tải hành khách:** tháng 9 ước tính đạt 1,73 triệu lượt khách, tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước và 131,9 triệu lượt khách.km (+18%). Vận tải hành khách quý III năm nay đạt gần 5,5 triệu lượt khách (+13%) so với quý III năm trước và 407 triệu lượt khách.km (+20,7%). Tính chung 9 tháng, vận tải hành khách đạt 16,3 triệu lượt khách (+14,1%) so với cùng kỳ năm trước và 1.202 triệu lượt khách.km (21%). Xét theo ngành vận tải, vận tải hành khách đường bộ 9 tháng đạt 13 triệu lượt khách (+12,9%) và 1.194 triệu lượt khách.km (+21%); đường thủy đạt 3,2 triệu lượt khách (+19,4%) và 8,4 triệu lượt khách.km (+4,3%).

* **Vận tải hàng hóa:** tháng 9 ước tính đạt 1,6 triệu tấn, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước và 156,5 triệu tấn.km (+6,5%) so với cùng kỳ. Vận tải hàng hóa quý III ước tính đạt 4,8 triệu tấn (+12,2%) và 478 triệu tấn.km (+10,6%). Tính chung 9 tháng, vận tải hàng hóa đạt 14 triệu tấn, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước và 1.408 triệu tấn.km (+13,6%), trong đó vận tải đường bộ đạt 13,8 triệu tấn (+10,8%) và 1.343 triệu tấn.km (+13,7%); đường thủy đạt gần 236 triệu tấn (+12%) và 66 triệu tấn.km (+10,6%).

8. Các vấn đề xã hội

8.1. Dân số, lao động

Theo kết quả sơ bộ điều tra Lao động việc làm trong quý III/2019, ước tính toàn Tỉnh có 3% người thất nghiệp trong độ tuổi lao động; phần lớn số lao động thất nghiệp trên địa bàn Tỉnh hiện nay là những người trong tuổi lao động

chủ yếu là sinh viên, học sinh mới ra trường, lao động đang làm việc muốn thay đổi vị trí làm việc phù hợp hơn,... hầu hết có thời gian thất nghiệp ngắn từ 1-3 tháng. Số lao động này phần lớn là những lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật, được đào tạo trong các trường nghề và trường chuyên nghiệp, chưa chọn được việc làm phù hợp hoặc đang chờ việc. Nhìn chung hiện nay, nhu cầu tuyển dụng lao động trên địa bàn khá lớn nhất là lao động phổ thông đây là cơ hội để người thất nghiệp được tuyển dụng làm việc và tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi của tỉnh ở mức thấp.

Theo báo cáo của các Sàn giao dịch việc làm của tỉnh, nhu cầu tuyển dụng lao động thường xuyên có từ 5.000 đến 10.000 vị trí việc làm tại các doanh nghiệp đây là cơ hội lớn của người lao động xin việc làm, nhất là học sinh, sinh viên mới ra trường và cũng tạo được sức cạnh tranh của thị trường lao động trên địa bàn. Các công ty có nhu cầu tuyển dụng lớn như: Công ty TNHH MTV công nghiệp Germton (hơn 1.000 lao động), Công ty TNHH Fashion Garments Nhà máy Quảng Nam (1000 lao động), Công ty TNHH Ducksan Vina (300 lao động), Công ty TNHH điện tử Việt Hoa (300 lao động), Công ty TNHH CCI Việt Nam (gần 300 lao động); Công ty TNHH MTV Shin Chang Vina (250 lao động),... Ngoài ra một số Công ty lớn khác vẫn có nhu cầu tuyển thêm lao động như: Công ty cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất, Công ty TNHH MTV Panko Tam Thăng và nhiều đơn vị có nhu cầu tuyển dụng lao động đang trong thời gian nghỉ vụ.

Trong những năm qua tỉnh Quảng Nam tạo nhiều cơ chế chính sách hỗ trợ cho các Doanh nghiệp trên địa bàn tuyển dụng, đào tạo nguồn lao động, giải quyết việc làm, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút lao động vào làm việc trên địa bàn như: các xã/phường/thị trấn ghi danh những lao động có nhu cầu tìm việc cung cấp cho doanh nghiệp, hỗ trợ người lao động chi phí đào tạo, cấp phép cho các đơn vị đào tạo việc làm.... Bên cạnh đó đẩy mạnh công tác đào tạo, tuyển dụng lao động ở khu vực miền núi, đồng bào dân tộc ít người, lồng ghép với các chương trình xóa đói, giảm nghèo của tỉnh để đào tạo lao động. Nhờ vậy đã thu hút được lao động khu vực nông thôn, miền núi vào làm việc trong khu vực phi nông nghiệp và giảm được lao động đang đi làm ăn xa và kéo lực lượng lao động làm ăn xa trở về làm việc tại địa phương.

Công tác xuất khẩu lao động của Tỉnh cũng được quan tâm đẩy mạnh, lồng ghép với các chương trình, dự án giải quyết việc làm, giảm nghèo...tạo điều kiện về thủ tục, chi phí cho người lao động đi xuất khẩu. Từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh đã đưa 1.023 lao động đi làm việc theo hợp đồng tại nước ngoài; trong đó: Nhật Bản 902 lao động, Hàn Quốc 56 lao động, các thị trường khác 65 lao động.

8.2. An sinh xã hội

* **Công tác giảm nghèo:** tính đến hết ngày 31/8/2019 toàn tỉnh 3.317 hộ nghèo/13.695 khẩu, 2.597 hộ cận nghèo/10.439 khẩu đăng ký thoát nghèo bền vững năm 2019 theo Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND.

- Đối với Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững: UBND Tỉnh dự kiến phân bổ 440,7 tỷ đồng cho các ngành và địa phương để triển khai thực hiện các dự án hợp phần của Chương trình.

- Toàn tỉnh đã chi 129,8 tỷ đồng cấp thẻ BHYT miễn phí 225.091 cho người nghèo, người dân tộc thiểu số, người dân sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo; hỗ trợ một phần chi phí mua 29.897 thẻ bảo hiểm y tế cho người thoát nghèo bền vững theo Nghị quyết 13 của HĐND tỉnh với kinh phí 16,8 tỷ đồng và 16.312 thẻ BHYT cho người thuộc hộ cận nghèo, kinh phí 6,6 tỷ đồng.

- Dự kiến phân bổ 120,9 tỷ đồng cho các địa phương chi trả kịp thời các chính sách khuyến khích cho 3.989 hộ nghèo, 5.980 hộ cận nghèo được công nhận thoát nghèo bền vững năm 2018 và tiếp tục hỗ trợ các chính sách về y tế, giáo dục, tín dụng cho 3.567 hộ nghèo, 5.801 hộ cận nghèo được công nhận thoát nghèo bền vững năm 2017.

* **Bảo trợ xã hội:** trong dịp tết Nguyên đán năm 2019, Tỉnh đã chi ngân sách hỗ trợ cho 17.236 hộ gia đình nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội năm 2018, với định mức 300.000 đồng/người, tổng kinh phí 17.236 người (300.000 đồng/người), với tổng kinh phí 5,2 tỷ đồng; hỗ trợ các bệnh nhân điều trị tại các cơ sở y tế trong đêm giao thừa với mức 300.000 nghìn đồng/người.

Quỹ Bảo trợ trẻ em đã vận động thu được gần 4,2 tỷ đồng. Từ nguồn kinh phí trên, đã tổ chức nhiều chương trình, hoạt động có ý nghĩa như: hỗ trợ, thăm hỏi, tặng quà, tặng áo ấm cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Lễ, Tết; lắp đặt hệ thống lọc nước cho trường học; hỗ trợ trang thiết bị y tế, sơn sửa tường rào cổng ngõ và tặng 70 mũ bảo hiểm cho học sinh mẫu giáo; trao tặng 2 điểm vui chơi cho trẻ em; hỗ trợ trẻ em bị đuối nước, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo; khám sàng lọc và phẫu thuật tim cho trẻ em mắc bệnh tim bẩm sinh, trao học bổng cho học sinh...

Tính đến nay, Quỹ “Vì người nghèo” toàn tỉnh đã tiến hành giải ngân hơn 3 tỷ đồng để hỗ trợ xây dựng mới và sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo; hỗ trợ xây dựng nhà Đại đoàn kết cho các hộ nghèo thuộc chính sách ưu đãi người có công thực sự bức xúc về nhà ở.

Trong giai đoạn 2018-2020, trên địa bàn tỉnh có 503 hộ để thực hiện đề án này và thực hiện đề án do Quỹ khí hậu xanh tài trợ không hoàn lại thông qua Chương trình phát triển Liên hợp quốc tại tỉnh. Tính đến nay, toàn tỉnh đã có 254 hộ đã thi công đề án (trong đó: có 195 hộ đã hoàn thành nhà, 49 hộ đăng ký

thực hiện 2019-2020). Còn lại 189 hộ thuộc đề án đã phê duyệt nhưng chưa đăng ký tham gia đề án.

* **Công tác đền ơn đáp nghĩa:** nhân dịp tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019 Tỉnh đã thăm hỏi, động viên cho các đối tượng chính sách: chuyển kinh phí tặng quà của Chủ tịch nước đến các địa phương để trao cho 86.143 đối tượng người có công (NCC) với tổng kinh phí hơn 17,8 tỷ đồng. Chuyển kinh phí trợ cấp, thăm hỏi của tỉnh cho 110.743 đối tượng NCC với tổng kinh phí gần 46,9 tỷ đồng.

Thực hiện trợ cấp, thăm hỏi trợ cấp người có công nhân ngày Thương binh liệt sĩ (27/7/2019). Thăm hỏi các gia đình chính sách, người có công với cách mạng và đơn vị nuôi dưỡng, chăm sóc người có công với tổng kinh phí trên 52,2 tỷ đồng; đã chuyển quà của Chủ tịch nước và quà của UBND tỉnh (bằng tiền mặt) đến 183.903 lượt người có công với cách mạng và thân nhân của họ với tổng số tiền trên 68,4 tỷ đồng. Trong đó, tặng quà của Chủ tịch nước cho 79.753 trường hợp với tổng số tiền trên 16,4 tỷ đồng; quà của UBND tỉnh cho 104.150 trường hợp với tổng số tiền trên 52,07 tỷ đồng...

Phân bổ chỉ tiêu điều dưỡng người có công cách mạng năm 2019 với 24.027 lượt người, trong đó: điều dưỡng tập trung 3.900 lượt, điều dưỡng gia đình 20.127 lượt. Trong 9 tháng đầu năm 2019 Trung tâm Nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công Quảng Nam đã tổ chức điều dưỡng đối với 3.767 lượt người có công (trong đó: hơn 3.325 NCC trong tỉnh và 442 NCC ngoài tỉnh) đạt hơn 85% kế hoạch giao.

Tính đến nay, toàn tỉnh có 15.184 Bà mẹ Việt Nam anh hùng, trong đó có 2.578 Mẹ được phong tặng; đến nay còn sống 707 Mẹ, 100% Mẹ đã được các cơ quan đơn vị trong và ngoài tỉnh nhận phụng dưỡng, mức phụng dưỡng bình quân 800.000 đồng/Mẹ/tháng.

8.3. Giáo dục và đào tạo

Kết quả Kỳ thi THPT quốc gia năm 2019: có 14.258/16.008 thí sinh đỗ tốt nghiệp, tỷ lệ: 89,1% (năm 2018: 95,5%; năm 2017: 94%; năm 2016: 87,4%; năm 2015: 89,3%).

Tình hình khai giảng năm học mới 2019 - 2020: vào ngày 05/09/2019 các trường học trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đồng loạt khai giảng năm học mới.

- Quy mô mạng lưới trường lớp: cả tỉnh có 817 trường, giảm 01 trường so với năm học trước, trong đó mẫu giáo 186 trường; mầm non 105 trường; tiểu học 251 trường; TH&THCS 28 trường; THCS 190 trường, cấp 1-2-3 có 01 trường, cấp 2-3 có 03 trường và THPT 53 trường. Tổng số học sinh là 344.428 học sinh (trong đó: mầm non 75.764 học sinh, phổ thông 268.664 học sinh). Toàn tỉnh, hiện có 191 trung tâm học tập cộng đồng (HTCĐ)/244 xã, phường, thị trấn. Đến nay, đã sáp nhập 149 TT HTCĐ vào trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và còn 42 TT HTCĐ đang hoạt động chưa sáp nhập; 73 trung tâm tin học -

ngoại ngữ (64 trung tâm ngoại ngữ, 01 trung tâm tin học, 08 trung tâm tin học-ngoại ngữ).

- Tình hình chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ năm học mới: khối Phòng Giáo dục và Đào tạo với số phòng xây dựng mới 388 phòng học; sửa chữa 792 phòng học; xây mới 141 công trình vệ sinh; Khối Sở quản lý xây dựng mới 46 phòng học.

- Tình hình mua sắm trang thiết bị: khối Phòng Giáo dục và Đào tạo mua sắm 644 bộ thiết bị tối thiểu của nhà trẻ, 2.676 bộ thiết bị tối thiểu của mẫu giáo, 3.427 bộ đồ chơi trẻ em, đóng mới 13.872 bộ bàn ghế học sinh, 457 bộ bàn ghế giáo viên, 278 bảng đen, 38 máy chiếu, 675 ti vi, 2680 bộ máy vi tính, 719 bộ âm thanh và các loại thiết bị khác với tổng kinh phí trên 906 tỷ đồng; Khối Sở quản lý mua sắm mới 16 phòng máy vi tính với tổng kinh phí 4.084 triệu đồng; mua sắm bàn ghế, giường tầng khu nội trú cho 17 trường với 2.400 triệu đồng; mua sắm phần mềm ngân hàng đề thi trực tuyến cho 53 trường với 01 tỷ đồng; mua sắm thiết bị khác 1,4 tỷ đồng...

Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia: tính đến tháng 8/2019, toàn tỉnh có 526 trường học đạt chuẩn, chiếm tỷ lệ 61,7%, trong đó mầm non 151 trường, tỷ lệ 54,1% (trong đó có 30 trường đạt mức 2); tiểu học 212 trường, tỷ lệ 79,7% (trong đó có 66 trường đạt mức 2); THCS 146 trường, tỷ lệ 67,6%; THPT 17 trường tỷ lệ 29,8%. Với tỷ lệ này, Quảng Nam tiếp tục dẫn đầu các tỉnh Duyên hải miền Trung về công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

8.4. Y tế

Trong tháng toàn Tỉnh đã phát hiện 563 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết Dengue; 135 trường hợp mắc bệnh tay, chân, miệng; 01 trường hợp sốt rét; 70 trường hợp bệnh lao phổi; 65 trường hợp mắc bệnh thủy đậu; 4 trường hợp viêm gan virút B; 1.079 trường hợp mắc bệnh tiêu chảy; 45 trường hợp mắc bệnh quai bị...

Như vậy, tính từ đầu năm đến nay, toàn Tỉnh phát hiện 2.476 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết Dengue; 617 trường hợp mắc bệnh tay, chân, miệng; 12 trường hợp sốt rét; 575 trường hợp bệnh lao phổi; 747 trường hợp mắc bệnh thủy đậu; 35 trường hợp viêm gan virút B; 5.682 trường hợp mắc bệnh tiêu chảy; 536 trường hợp mắc bệnh quai bị.

8.5. Hoạt động văn hoá và thể thao

Trong 9 tháng đầu năm 2019, các hoạt động văn hóa trên địa bàn Tỉnh tập trung chủ yếu công tác thông tin, tuyên truyền cho kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị của đất nước, của địa phương, của ngành trong Tỉnh như: Mừng Đảng, đón Xuân Kỷ Hợi, Ngày giải phóng tỉnh Quảng Nam (24/3), Ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Nam, Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4), Kỷ niệm 89 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Giỗ tổ Hùng Vương; 133 năm Ngày Quốc tế lao động; 60 năm Ngày mở đường Hồ Chí Minh

- Ngày truyền thống Bộ đội Trường Sơn; Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5), Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng vũ trang nhân dân Văn phòng Khu ủy Khu V, Kỷ niệm 20 năm Đô thị cổ Hội An, Khu Đền tháp Mỹ Sơn được UNESCO công nhận Di sản văn hóa thế giới, 10 năm Cù Lao Chàm – Hội An được công nhận Khu Dự trữ sinh quyển thế giới; Ngày Gia đình Việt Nam (28/6)...được thực hiện với nhiều hình thức đa dạng, phong phú.

Tính từ đầu năm đến nay, Bảo tàng Tỉnh sưu tầm được 70 hiện vật, nâng tổng số hiện vật lên 33.569 hiện vật; Ban Quản lý Quần thể Tượng đài Mẹ Việt Nam Anh hùng sưu tầm được 61 hiện vật-hình ảnh-tư liệu về Mẹ VNAH, nâng tổng số hiện vật-hình ảnh-tư liệu lên hơn 2.340 hiện vật. Toàn ngành đã tổ chức được 55 cuộc trưng bày triển lãm về hình ảnh, tư liệu, sách báo, trong đó có 15 cuộc cấp tỉnh, 40 cuộc cấp huyện.

Trong 9 tháng đầu năm, các hoạt động thể dục thể thao được tổ chức sôi nổi, đều khắp ở các địa phương, đặc biệt ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2019 được tổ chức sôi nổi, nhất là nhân dịp mừng Đảng, mừng Xuân Kỷ Hợi 2019. Đài Truyền hình Việt Nam, Liên đoàn Bóng chuyên Việt Nam phối hợp cùng Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam và Tập đoàn Hoa Sen đồng hành tổ chức một giải đấu quốc tế quy mô, uy tín và hữu ích cho Đội tuyển Bóng chuyên nữ Việt Nam từ ngày 03/8/2019 đến hết ngày 10/8/2019; Chặng đua cuối cùng của Giải xe đạp Quốc tế VTV Cup Tôn Hoa Sen đã diễn ra vào ngày 08/9/2019, lần đầu tiên xuất hiện tại Quảng Nam, chặng đua được xuất phát tại trước cửa nhà hát Hội An, trải qua 3 sprint tại quảng trường 24/3, Quê Sơn và Ngã 4 vào Thánh địa Mỹ Sơn trước khi về đích tại Hội An.

Trong 9 tháng đầu năm các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức 110 giải thể thao, trong đó có một số giải thể thao truyền thống: giải Đua ghe “Đào thủy đầu Xuân” của thành phố Hội An; giải Đua thuyền truyền thống huyện Đại Lộc; giải Cờ tướng các huyện: Thăng Bình, Duy Xuyên, Phú Ninh, Núi Thành, Tiên Phước; Hội thi Thể thao mùa Xuân huyện Hiệp Đức; Bóng chuyên nam, Bóng chuyên nữ huyện Nông Sơn, Tây Giang; giải Cầu lông CNVCLĐ các huyện, thành phố: Đại Lộc, Hội An, giải Quần vợt thành phố Hội An, giải Đua thuyền truyền thống thị xã Điện Bàn lần thứ XII, giải Bóng đá huyện Quế Sơn...

Thể thao thành tích cao: 9 tháng đầu năm, cử 19 đoàn vận động viên tham gia thi đấu các giải cấp quốc gia đã đạt được nhiều kết quả, một số giải thể thao vượt chỉ tiêu. Cầu lạc bộ Bóng đá Quảng Nam thi đấu tại giải Bóng đá vô địch quốc gia năm 2019 đến vòng 23 đạt 31 điểm, xếp vị trí thứ 7 trên bảng xếp hạng và vào vòng bán kết giải Bóng đá Cup quốc gia 2019.

8.6. Tình hình tai nạn giao thông

Theo số liệu phòng Cảnh sát Giao thông tỉnh Quảng Nam trong tháng 09/2019 (từ ngày 16/08 - 15/09), trên địa bàn Tỉnh xảy ra 18 vụ tai nạn giao thông (đường bộ: 18 vụ), làm chết 14 người, bị thương 13 người. Tai nạn giao thông đường sắt và đường thủy không xảy ra. So với tháng trước số vụ tai nạn

giao thông giảm 5 vụ, giảm 7 người chết. Như vậy, tính đến 15/09/2019 (từ ngày 16/12/2018 - 15/09/2019) trên địa bàn Tỉnh đã xảy ra 174 vụ tai nạn giao thông (đường bộ: 169 vụ, đường sắt: 5 vụ), làm chết 139 người (đường bộ: 135 người, đường sắt: 4 người), bị thương 94 người (đường bộ: 93 người, đường sắt: 1 người); so với cùng kỳ năm trước số vụ tai nạn giao thông đường bộ tăng 2 vụ, giảm 6 người chết và giảm 13 người bị thương; số vụ tai nạn giao thông đường sắt tăng 01 vụ và số người chết tăng 01 người.

8.7. Tình hình cháy, nổ và vi phạm môi trường, thiên tai

Theo số liệu phòng Cảnh sát Môi trường tỉnh Quảng Nam, trong tháng 9 phát hiện và xử lý 8 trường hợp vi phạm luật về bảo vệ môi trường, đã lập biên bản xử phạt hành chính với tổng số tiền xử phạt 366 triệu đồng. Như vậy tính từ đầu năm đến nay, toàn Tỉnh đã phát hiện 76 trường hợp vi phạm, lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính 72 trường hợp với tổng số tiền xử phạt là 1.988 triệu đồng.

Theo số liệu phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Quảng Nam, trong tháng 9 xảy ra 01 vụ cháy cơ sở dệt may ở Huyện Thăng Bình. Tính từ đầu năm đến nay, toàn Tỉnh đã xử lý 17 vụ cháy, có 01 người chết và không có người bị thương, ước tổng mức thiệt hại 8,4 tỷ đồng.

Nhìn chung, tình hình kinh tế xã hội trên địa bàn Tỉnh 9 tháng đầu năm 2019 đạt được một số kết quả nhất định. Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt khá so với cùng kỳ. Các hoạt động văn hóa, thể thao diễn ra sôi nổi, an sinh xã hội được đảm bảo, an ninh - quốc phòng được tăng cường. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế có xu hướng chậm lại, IIP đạt thấp; sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi gặp không ít khó khăn, thách thức với thời tiết diễn biến phức tạp, dịch tả lợn Châu Phi chưa được khống chế; tiến độ giải ngân vốn đầu tư chưa đạt yêu cầu; tình trạng nợ đọng thuế vẫn còn xảy ra; công tác giải phóng mặt bằng còn nhiều khó khăn, vướng mắc làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án, công trình; tình trạng cháy rừng vẫn còn xảy ra./.

Nơi nhận:

- Vụ Tổng hợp - TCTK (b/c);
- VPTU, VP UBND, Đoàn ĐBQH, Sở KH&ĐT, NHNN, STC;
- TTTL&DVTK;
- Lãnh đạo Cục (3b);
- Lưu VT, TH (2).

CỤC TRƯỞNG

(Đã ký)

Lê Quý Đạt